

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 130/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Vũ Hoài Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Trực**;
2. Ông **Trần Văn Sượn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:*
Bà **Nguyễn Ngọc Phụng** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Tấn T**, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Hải D**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2020, tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, nguyên đơn là anh **Phạm Tấn T** trình bày: Anh và chị D sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống vào năm 2007 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 22/01/2008.

Qua quá trình chung sống, anh và chị D đã tạo lập được:

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Tấn P**, sinh ngày 20/9/2007;

- Về tài sản chung: Không có;
- Về nợ chung: Không có.

Trong cuộc sống vợ chồng, thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai không phù hợp nhau về tính tình, nảy sinh nhiều tranh cãi, có nhiều quan điểm bất đồng và có mâu thuẫn do kinh tế gia đình. Anh đã cố gắng hòa hợp và tìm mọi cách để hàn gắn gia đình, tiếp tục chung sống với chị D nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nữa. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng đầu năm 2009 cho đến nay.

Nay Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn với chị D. Khi ly hôn: Về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung do không có.

* Theo bản tự khai và đơn xin vắng mặt đề ngày 27/01/2021, chị Trần Thị Hải D trình bày: Thống nhất với anh T về hôn nhân, con, tài sản và nợ chung.

Nay Chị đồng ý ly hôn với anh T và đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, giao con chung cho T trực tiếp nuôi dưỡng, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T có đơn khởi kiện đối với chị Dân. Chị D có địa chỉ tại địa bàn huyện Chợ Gạo nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh T có đơn xin ly hôn với chị D. Anh T và chị D có tiến hành đăng ký kết hôn nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”.

[3]. Về yêu cầu đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, đơn xin vắng mặt anh T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đối với chị D.

Nguyên nhân Anh xin ly hôn với chị D là do cả hai không phù hợp nhau về tánh tình, không có tiếng nói chung và có mâu thuẫn trầm trọng về kinh tế và Anh đã tìm mọi biện pháp nhưng không hàn gắn gia đình được.

Ngoài ra, chị D cũng không có phương pháp hàn gắn gia đình và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Xét yêu cầu ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị D là có thật, là trầm trọng không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T để tạo điều kiện cho cả hai có cuộc sống mới.

Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu P hiện đang sống cùng anh T, có nguyện vọng sống cùng anh T và chị D cũng đồng ý giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Đối với anh T và chị D đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T và chị D.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Tấn T. Anh T được ly hôn chị Trần Thị Hải D.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Tấn P, sinh ngày 20/9/2007 cho anh Phạm Tấn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh T phải chịu là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Anh đã nộp theo biên lai thu số 0004569 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như anh T đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Tấn T và chị Trần Thị Hải D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS H. Chợ Gạo;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã B;
- Lưu.

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Vũ Hoài Phương